

ĐẶC ĐIỂM CỦA NHÓM ĐỘNG TỪ CHỈ SỰ TỒN TẠI, XUẤT HIỆN, TIÊU BIẾN TRONG TIẾNG VIỆT

THE FEATURES OF VERBS OF EXISTENCE, APPEARANCE AND DISAPPEARANCE IN VIETNAMESE

TRỊNH THỊ THU HÒA
(ThS; Trường ĐHKH, Đại học Thái Nguyên)

Abstract: In this article, the writer aims at figuring out the features of verbs of existence, appearance and disappearance. For the writer, this is the verb group that links transitive and intransitive verbs. The characteristics of these kinds of verbs determine the features of the sentences in which they function as predicate.

Key words: figuring; the features of verbs; Vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Với vai trò là vị ngữ, động từ là trung tâm tổ chức của tuyệt đại đa số câu trong tiếng Việt. Tuy nhiên, cho đến nay, trong cách nhìn nhận về bản chất của động từ và các tiêu loại của động từ vẫn còn tồn tại nhiều ý kiến khác nhau. Thuộc số này là nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến: Có tác giả xếp chúng vào nhóm động từ ngoại hướng, có tác giả xếp chúng vào nhóm động từ nội hướng, lại có tác giả xếp chúng vào nhóm động từ trung tính. Sự chưa thống nhất trong cách nhìn nhận về nhóm động từ này đã gây khó khăn nhất định đối với việc dạy học ngữ pháp tiếng Việt trong nhà trường hiện nay.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ miêu tả hoạt động ngữ pháp và phân tích câu có vị ngữ là các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến dựa trên lý thuyết kết trị với mục đích làm sáng tỏ một số đặc điểm cơ bản của nhóm động từ này.

2. Đặc điểm của nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến

Trong những công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt, Nguyễn Kim Thản là người đầu tiên đề cập tới nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện và tiêu biến. Trong cuốn *Động từ trong tiếng Việt* (1977), ông đã tiến hành chia động từ tiếng Việt thành 3 nhóm lớn:

(i) Nhóm động từ ngoại hướng: “có dạng thức cơ bản là N1 - V - N2, trong đó N2 biểu thị đối tượng mà hoạt động hướng tới, và trong những dạng thức cải biến N2 bao giờ cũng giữ nguyên ý nghĩa là đối tượng chuyển tới của hoạt động”.

(ii) Nhóm động từ trung tính: “cũng có dạng thức cơ bản là N1 - V - N2, trong đó N2 biểu thị đối tượng mà hoạt động hướng tới, nhưng những dạng thức cải biến, N2 có thể trở thành chủ thể của trạng thái do động từ biểu thị”.

(iii) Nhóm động từ nội hướng: “có dạng thức cơ bản và không có dạng thức cải biến”.

Trong đó, nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến được Nguyễn Kim Thản xếp vào nhóm động từ trung tính. Tuy nhiên, ở công trình này, tác giả chưa có điều kiện đi sâu phân tích cấu trúc ngữ pháp của những câu có vị từ là động từ trung tính. Đồng thời, tác giả cũng chưa chỉ ra đặc tính trung gian của nhóm từ này về ý nghĩa cũng như về hoạt động ngữ pháp.

Cùng quan điểm với Nguyễn Kim Thản, trong cuốn *Kết trị của động từ tiếng Việt*, Nguyễn Văn Lộc cũng cho rằng động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến được xếp vào nhóm động từ trung tính nội hướng. Song tác giả cũng chưa có điều kiện đi sâu vào phân tích kỹ đặc điểm của nhóm động từ này.

Kế thừa quan điểm của các học giả đi trước, chúng tôi xin được làm sáng rõ những đặc tính trung gian của nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến. Cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa

Động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến là những động từ chỉ trạng thái tồn tại, xuất hiện, tiêu biến của sự vật ở một vị trí nào đó như: *có, còn, xuất hiện, biến mất, diễn ra, nổi lên, vỡ, tan...* Không giống các động từ nội hướng đích thực (chạy, nhảy, bơi...) và các động từ ngoại hướng đích thực (xây, viết, yêu...), nhóm động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến vừa có nét nghĩa nội hướng: chỉ hoạt động tồn tại, xuất hiện, tiêu biến của chủ thể (hoạt động không hướng tới đối thể bên ngoài), vừa có nét nghĩa ngoại hướng: chỉ sự tác động của hoạt động vào sự vật (hoạt động hướng tới đối thể). Ở nét nghĩa thứ nhất, nhóm động từ này giống với các động từ nội hướng đích thực như: *chạy, nhảy, đi...* Ở nét nghĩa thứ hai, chúng giống với động từ ngoại hướng đích thực như: *đá, xây, ăn, đốt...* Như vậy, nhóm động từ chỉ sự xuất hiện, tồn tại và tiêu biến là hiện tượng trung gian giữa hai tiểu loại động từ trên, cho nên, bên cạnh những nét chung, nhóm động từ này vẫn có những nét khác biệt về nghĩa so với động từ nội hướng và động từ ngoại hướng. So sánh: “*Nam chạy.*” và “*Bát vỡ.*”

Trong cấu trúc “*Bát vỡ*”, *vỡ* là động từ trung tính vừa có nghĩa nội hướng vừa có nghĩa ngoại hướng. Trước hết, về nghĩa nội hướng, cũng như động từ nội hướng, *vỡ* chỉ hoạt động không hướng tới đối thể bên ngoài mà chỉ trạng thái của sự vật *bát*. Vì thế, theo quan niệm khá phổ biến hiện nay *vỡ* về bản chất vẫn được xếp vào nhóm động từ nội hướng bình thường. Nét nghĩa nội hướng này được thể hiện ra ở mặt kết tri (dấu hiệu hình thức ngữ pháp): *vỡ* chỉ đòi hỏi một kết tri bắt buộc có tính chủ thể (*bát*). Kết tri có tính chủ thể này có khả năng chiếm vị trí liền trước động từ cũng như các kết tri chủ thể bên động từ nội hướng đích thực (*Nam chạy*) khác. Tuy nhiên, so sánh (1), (2), có thể thấy ngoài những nét giống nhau (đều cho phép cả 2 kết tri *Nam* và

bát có tính chủ thể đứng liền trước động từ *chạy* và *vỡ*), *chạy* và *vỡ* vẫn có những nét nghĩa khác biệt khá quan trọng.

Khác với *chạy* (động từ nội hướng đích thực), động từ *vỡ* không chỉ hoạt động do chủ thể *bát* tạo ra mà nó chỉ trạng thái của *bát* (*Bát làm sao?*). Trạng thái này có được là nhờ một hành động nằm ngoài chủ thể tác động vào (*ném* chẳng hạn). Như vậy, nếu động từ *chạy* chỉ hoạt động xuất phát từ chính chủ thể *Nam*, thì động từ *vỡ* lại chỉ trạng thái nảy sinh do kết quả của một hành động khác. Vì thế, trong hai cấu trúc này, *chạy* là động từ nội hướng đích thực còn *vỡ* không phải là động từ nội hướng đích thực: *vỡ* có cả nét nghĩa ngoại hướng. Nét nghĩa ngoại hướng của *vỡ* là chỉ hoạt động tác động vào sự vật *bát* mà kết quả của sự tác động này là sự vật *bát* bị tiêu biến hoặc bị thay đổi về trạng thái. Nét nghĩa này được thể hiện về mặt hình thức là khả năng cải biến vị trí của *bát* xuống sau động từ *vỡ* (*Vỡ bát*). Ở vị trí này, *bát* có sự gần gũi với kết tri đối thể (thể hiện kết tri của động từ ngoại hướng): Cả hai đều chịu đựng một cách thụ động sự tác động của hoạt động không phải do mình tạo ra.

Về nghĩa, *đập* và *vỡ* đều chỉ những hoạt động hướng tới đối thể. Nhưng nét khác nhau là ở chỗ *đập* (động từ chỉ ngoại hướng đích thực) chỉ hoạt động tác động tới đối thể *bát* ở bên ngoài chủ thể (*tôi*), còn *vỡ* chỉ hoạt động tác động đến không phải đối thể bên ngoài chủ thể mà đối thể cũng đồng thời là chủ thể (*bát*). Nói cách khác, ở *đập bát*, *bát* chỉ có nghĩa đối thể thuần túy, còn ở *vỡ bát*, *bát* vừa có nét nghĩa đối thể (chịu tác động) vừa có nét nghĩa chủ thể (kẻ mang trạng thái).

Như vậy, khác với động từ nội hướng đích thực (chỉ những hoạt động không hướng tới đối thể; không bao giờ cho phép kết tri chủ thể đứng liền sau mình), và cũng khác với động từ ngoại hướng đích thực (chỉ những hoạt động hướng tới đối thể bên ngoài; không bao giờ cho phép kết tri đối thể chiếm vị trí liền trước mình), các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện và tiêu biến chỉ hoạt động hướng tới đối thể bên ngoài (giống động từ

ngoại hướng) nhưng đối thể đó đồng thời lại là chủ thể. Mặt khác, nhóm động từ này lại chỉ trạng thái của chủ thể (giống với động từ nội hướng). Nét nghĩa hỗn hợp này cho phép kết tổ của các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện và tiêu biến chiếm cả hai vị trí: liền trước và liền sau.

Ngoài nét nghĩa nội hướng và ngoại hướng, động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến còn có nét nghĩa không chủ động: chỉ hoạt động không xuất phát từ chủ thể, hoạt động mà chủ thể không làm chủ được. Chẳng hạn, trong các cấu trúc *Bát vỡ*, *Cây đổ*, hai yếu tố *vỡ* và *đổ* chỉ trạng thái của *bát* và *cây*; đồng thời, thực thể *bát* và *cây* cũng không thể tạo ra và làm chủ được hoạt động *vỡ* và *đổ*. So sánh với động từ nội hướng đích thực có thể thấy có sự khác biệt rõ rệt.

5a. Tôi chạy =>

5b. Tôi *định* chạy. (+)

5c. Tôi chạy *để nâng cao thể lực*. (+)

5d. Tôi *bị* chạy. (-)

Bị vốn là một bán thực từ không có ý nghĩa từ vựng rõ rệt mà chỉ có ý nghĩa thiên về ngữ pháp. Khi thêm *bị* vào cấu trúc nếu xét về mặt ý nghĩa biểu hiện, câu không có gì thay đổi, song xét về mặt ngữ pháp thì khi đứng trước các động từ chỉ sự tiêu biến như: *mất*, *cháy*, *vỡ*, *tan*... *bị* trở thành trung tâm ngữ pháp. Cũng cần lưu ý rằng, trong cấu trúc này, người ta chỉ có thể thêm *bị* chứ không thể thêm *được* vào mặc dù cả hai đều là những động từ có ý nghĩa bị động.

Sở dĩ như vậy là vì *bị* là từ mang nét nghĩa tình thái tiêu cực nên nó thường được dùng trước động từ chỉ hoạt động được coi là không may mắn, không tốt đẹp cho đối tượng, còn *được* mang nét nghĩa tình thái tích cực nên thường được dùng trước động từ để biểu thị một hoạt động được coi là may mắn, phù hợp với mong muốn của con người.

Như vậy, xét về nghĩa, động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến có nét nghĩa nội hướng, nét nghĩa ngoại hướng và nét nghĩa không chủ động.

2.2. Về đặc điểm kết trị

Chẳng hạn, trong cấu trúc, "*Tôi chạy*", "*Tôi nhảy*", hai hoạt động *chạy* và *nhảy* đều thuộc về chủ thể *tôi*, xuất phát từ *tôi* và bản thân chủ thể *tôi* làm chủ được. Do đó, động từ nội hướng hành động mang nghĩa chủ động rất cao. Dấu hiệu hình thức của nét nghĩa chủ động ở động từ nội hướng (*chạy*, *nhảy*...) chính là khả năng kết hợp với các từ chỉ ý chí, ý định như *cố*, *toan*, *định*... và khả năng kết hợp với trạng ngữ chỉ mục đích. Theo tiêu chí này, động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến lại có đặc điểm trái ngược. Với nét nghĩa không chủ động, động từ này không có khả năng kết hợp với các từ chỉ ý chí, ý định (*cố*, *toan*, *định*...) nhưng lại có khả năng kết hợp với từ *bị*. So sánh:

6a. Bát vỡ =>

6b. Bát *định* vỡ. (-)

6c. Bát vỡ *để làm gì*? (-)

6d. Bát *bị* vỡ. (+)

2.2.1. Số lượng và mô hình kết trị

Các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến có một kết trị bắt buộc. Mô hình kết trị chung của những động từ này là: N - V hoặc V - N (*Bát vỡ* hoặc *Vỡ bát*; *Cây đổ* hoặc *Đổ cây*). Như vậy, xét về số lượng kết trị, các động từ thuộc nhóm trên đây có nét giống động từ nội hướng.

2.2.2. Sự hiện thực hoá kết trị bắt buộc

Mặc dù động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến có số lượng kết trị bắt buộc giống như động từ nội hướng nhưng sự hiện thực hoá kết trị và đặc tính của các kết tổ ở các động từ này lại có nét khác biệt khá quan trọng:

- Xét về ý nghĩa và vị trí của kết tổ: Nếu bên động từ nội hướng đích thực, kết tổ bắt buộc duy nhất (N) chỉ có ý nghĩa thuần chủ thể thì kết tổ bên động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến, kết tổ bắt buộc duy nhất (N) không chỉ có nét nghĩa chủ thể mà còn có cả nét nghĩa đối thể. Nét nghĩa hỗn hợp này được thể hiện ở mặt hình thức là khả năng cải biến vị trí của các kết tổ có bên động từ. Về vị trí của kết tổ, nếu bên động từ nội hướng đích thực, kết tổ bắt buộc duy nhất

(N) không có khả năng chiếm vị trí liền sau động từ (Khi chuyển ra sau động từ, trước N cần phải có các yếu tố phụ chỉ số lượng và động từ cũng phải có thêm yếu tố phụ, thường là các yếu tố phụ chỉ phương hướng, kết quả hay trạng thái), thì bên động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến, N hoàn toàn có khả năng chuyển ra vị trí liền sau động từ. Dưới đây, xin lấy ví dụ về trường hợp từ *roi* là động từ nội hướng điển hình và từ *roi* là động từ trung tính nội hướng. So sánh:

(7) *Mưa roi* => *Roi mưa* (-). => Từ trên trời *roi* xuống những hạt mưa (+).

(8) *Tiền roi* => *Roi tiền* (+).

Trong (1) và (2), hai cấu trúc có những điểm rất gần nhau về nghĩa cũng như về thuộc tính kết trị: mô hình kết trị (N - V). Ở đây, hai động từ vị ngữ có hình thức ngữ âm giống nhau nhưng không cùng thuộc một phạm trù: *roi* trong (3) là một động từ nội hướng đích thực, còn *roi* trong (4) lại là một động từ trung tính nội hướng. Do bản chất của hai động từ này có những nét khác biệt nên khả năng chi phối kết tổ đứng bên cũng có những nét khác nhau. Sự khác nhau giữa *roi* trong *Mưa roi* và *roi* trong *Tiền roi* bộc lộ qua khả năng cải biến vị trí của kết tổ có tính chủ thể đứng trước nó. Ở (3), *mưa* là kết tổ có nghĩa thuần chủ thể, cho nên nó chỉ có khả năng chiếm vị trí liền trước động từ. Bằng chứng là thành tố thuần chủ thể *mưa* chỉ có thể trả lời cho câu hỏi: *Mưa làm sao?* (*Mưa roi*) mà không thể trả lời cho câu hỏi: *Roi cái gì?* Trong khi đó, ở (4), *tiền* là kết tổ vừa có nghĩa chủ thể vừa có nghĩa đối thể cho nên có khả năng chiếm vị trí cả của kết tổ chủ thể (đứng liền trước động từ) lẫn vị trí của kết tổ đối thể (đứng liền sau động từ). Điều này được minh chứng bởi khả năng trả lời cho cả hai câu hỏi: *Tiền làm sao?* (*Tiền roi*) và *Roi cái gì?* (*Roi tiền*). Phải chăng theo quan niệm của người bản ngữ, những hiện tượng tự nhiên như *mưa*, *gió*... được coi là những thực thể hữu sinh, do đó, chúng có khả năng chủ động tạo ra hoạt động (điều khiển được

hoạt động *roi* của mình). Nói cách khác, hoạt động *roi* trong *Mưa roi* là do chính chủ thể *mưa* tạo ra, còn *roi* trong *Tiền roi* không phải là hoạt động do thực thể *tiền* tạo ra mà chỉ là trạng thái nảy sinh từ hoạt động khác. Do đó, *tiền* luôn mang tính bị động. Điều này được bộc lộ ra ở hình thức là khả năng bổ sung từ *bị* vào trước động từ. Có thể nói: *Tiền bị roi*; *Bị roi tiền*... Do đặc điểm này mà trong cách phân tích ngữ pháp, *tiền* không chỉ được coi là chủ ngữ mà còn được xếp vào phạm trù bổ ngữ. Cũng do sự khác nhau giữa *roi* trong *Mưa roi* và *roi* trong *Tiền roi* như trên đây mà ta chỉ có thể gặp các cấu trúc hoạt động kết quả kiểu *đánh roi tiền*, *làm roi tiền* mà không thể gặp các cấu trúc kiểu *làm roi mưa*, *đánh roi mưa*.

Một điều đáng chú ý nữa là mặc dù động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến cũng chỉ có một kết trị bắt buộc nhưng kết trị này khi hiện thực hoá có thể cho phép xuất hiện bên động từ đồng thời hai kết tố có quan hệ chỉnh thể bộ phận nằm ở phía trước và phía sau động từ. Ví dụ:

Hai kết tố đứng trước và đứng sau có quan hệ chỉnh thể bộ phận này hầu như luôn có khả năng chuyển về cùng một phía. Và khi đó, chúng vừa có quan hệ ngữ nghĩa: chỉnh thể - bộ phận, vừa có quan hệ ngữ pháp với nhau tạo thành một cụm chính phụ. Ví dụ:

(9b) Bàn gậy chân

Chân bàn gậy.(+)

Gậy chân bàn.(+)

Mối quan hệ chỉnh thể bộ phận và khả năng chuyển hai kết tố về cùng một phía bên động từ chứng tỏ số lượng kết trị bên các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến vẫn chỉ có một nhưng kết trị này có thể được thực hiện hoá với hai kết tố có quan hệ chỉnh thể bộ phận với nhau. Như vậy, bên cạnh mô hình kết trị cơ bản là N - V, các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến còn có thể có các mô hình cải biến là V - N và N - V - n.

2.2.3. Về kết trị tự do

Theo kết quả khảo sát, các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến đều có khả năng kết hợp với khá mạnh với loại 2 kết tổ :

- Kết tổ chỉ vị trí. Ví dụ:

(10)...có tiếng trở mình loạt soạt *trên ổ rom*.(Nguyễn Minh Châu)

(11) *Qua tấm kính ướt hơi sương*, mảnh trắng hiện ra tái ngắt.(Nguyễn Minh Châu)

(12) *Trên mỗi bậc cửa đột nhiên hiện lên* một viên gạch đỏ. (Nguyễn Minh Châu)

(13) *Từ mé trái của nhà kho nhô ra* một bóng người thấp lùn. (Nguyễn Khải).

(15)*Bỗng từ phía cổng xuất hiện* một chàng trai ăn mặc lịch sự. (Báo Tiền phong)

(16) *Bên này và bên kia đê, phía làng Lê*, thỉnh thoảng lại *nổi lên* một hồi trống thum thum. (Nguyễn Minh Châu)

Tác dụng của các kết tổ chỉ vị trí là làm rõ hơn bối cảnh, không gian diễn ra hoạt động, qua đó, sẽ làm tăng thêm tính chân thực cho sự kiện được nói đến trong câu.

- Kết tổ nguyên nhân. Ví dụ:

(17) Cái bát vỡ *bởi nó*.

(18) Nhiều cây bên đường đổ rạp *vì bão*.

Cũng theo kết quả khảo sát, chúng tôi thấy rằng các động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến hầu như không kết hợp với các kết tổ chỉ công cụ và các kết tổ chỉ mục đích. Điều đó xuất phát từ nghĩa của nhóm động từ này quy định: Các động từ thuộc nhóm này không chỉ hành động mà chỉ trạng thái (không chủ động). Nói chung, không có hành động thì không có công cụ, còn không có hành động chủ động thì không có mục đích. Điều này giải thích tại sao với các động từ thuộc nhóm này, chỉ có thể đặt những câu hỏi kiểu như: Bàn bị hỏng ở đâu? mà không thể đặt câu hỏi kiểu như: Bàn bị hỏng bằng gì?

3. Kết luận

Nghiên cứu sâu về nhóm động từ chỉ sự tồn tại xuất hiện tiêu biến còn rất nhiều điều thú vị. Bởi nhóm động từ này còn có thể chia nhỏ hơn thành 3 tiểu loại: nhóm động từ chỉ sự tồn tại; nhóm động từ chỉ sự xuất hiện và nhóm động từ chỉ sự tiêu biến. Bên cạnh

những đặc điểm hỗn hợp của nhóm động từ này, các tiểu loại của nó còn có những đặc trưng riêng. Tuy nhiên trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ đưa ra những phân tích cơ bản để làm rõ hơn đặc tính trung gian của nhóm từ này mà không đi sâu vào từng tiểu loại. Động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến ở hai phương diện:

Về nghĩa, chúng vừa có nét nghĩa nội hướng vừa có nét nghĩa ngoại hướng và không có nghĩa hành động chủ động. Vì thế, những động từ này còn gọi là động từ trạng thái. Về kết trị, động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến thường có một kết trị bắt buộc (nhưng kết trị này có thể được hiện thực hoá bởi hai kết tổ).

Về thuộc tính kết trị, mô hình kết trị của nhóm động từ này ngoài dạng cơ bản: N - V (giống động từ nội hướng) và N - V - n (giống động từ ngoại hướng) còn có mô hình cải biến: V - N và n - N - V hoặc N - n - V. Điều đó cho thấy, khác với kết tổ chủ thể của động từ nội hướng đích thực, kết tổ có nét nghĩa hỗn hợp của động từ chỉ sự tồn tại, xuất hiện, tiêu biến có khả năng cải biến vị trí mạnh mà không đòi hỏi những điều kiện ngữ pháp chặt chẽ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt*, II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tiếng - Từ ghép- Đoản ngữ), Nxb Quốc gia.
3. Đinh Văn Đức (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Từ loại), Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Lộc (1995), *Kết trị của động từ tiếng Việt*. Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Kim Thản (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb. KHXH, Hà nội
6. Lê Xuân Thại (1995), *Câu chủ vị trong tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.
7. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 11-10-2013)